TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 10/6/2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hưng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thọ

2. Ông Lê Thiết Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:* Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/11/2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tạ Xuân U** - sinh năm 1986;
Địa chỉ: Khu tập thể T, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** - sinh năm 1989;
Địa chỉ: Khu A thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
(Anh U có mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Tạ Xuân U trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2012 hoàn toàn tự nguyện và được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, trước và sau khi kết hôn tôi là cán bộ công tác tại Trại giam T1 - Cục C - Bộ C1 còn chị N làm nghề tự do, đến tháng 10/2016 tôi chuyển công tác về Trại giam S - Cục C - Bộ C1 thuộc xã C, huyên B, thành phố Hà Nội còn chị N vẫn ở nhà bố mẹ đẻ khu A thị trấn H, huyện H. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được quan điểm làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau do đó tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị N để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Tạ Thảo V, sinh ngày 24/9/2013, hiện nay cháu đang ở với chị N cùng ông bà ngoại tại khu A thị trấn H, huyện H. Sau ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi, nếu chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tôi cũng hoàn toàn nhất trí và tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh U kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2012 hoàn toàn tự nguyện và được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, trước khi kết hôn tôi làm nghề tự do còn anh U là cán bộ Trại giam T1, quá trình chung sống của vợ chồng có xẩy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, đến năm 2016 anh U chuyển công tác về Trại giam S thuộc xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, trong thời gian anh U chuyển công tác thỉnh thoảng về thăm mẹ con chị. Đến tháng 4/2022 chị đi xuất khẩu lao động tại DUBAI - T Ả Rập Thống Nhất còn anh U ở nhà công tác và đi quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là chị Phùng Thị T quê quán S - B - Hà Nội, chị đã bắt gặp tại nhà chồng từ đó anh U lạnh nhạt với vợ con, không quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng nữa. Nay anh U xin ly hôn, quan điểm của chị không nhất trí mà muốn trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn, đã chấm dứt mọi quan hệ từ lâu, không ai quan tâm gì đến ai nữa.

Về con chung: Chị cũng xác định vợ chồng có 01 con chung, tên tuổi như anh U trình bày là đúng, nếu phải ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập và thông báo các đương sự đến tòa án để giải quyết, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải theo

quy định của pháp luật, anh U đều có mặt còn chị N chỉ đến trình bày quan điểm của mình bằng bản tự khai, không có mặt để tham gia, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - BLTTDS. Tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Tạ Xuân U được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

- Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Tạ Thảo V, sinh ngày 24/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Tạ Xuân U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N từng tháng, mỗi tháng là từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

- Về án phí: Anh Tạ Xuân U phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Tạ Xuân U và chị Nguyễn Thị Hồng N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào công văn số: 396/QLXNC - Đ1, ngày 25/4/2025 của phòng Q Công an tỉnh P về việc trao đổi thông tin xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị Hồng N thì

thời điểm thụ lý vụ án (Ngày 25/11/2024) chị Nguyễn Thị Hồng N đang có mặt tại Việt Nam và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án vào ngày 28/11/2024 do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án huyện Hạ Hòa giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Tạ Xuân U và chị Nguyễn Thị Hồng N đến Tòa án để giải quyết theo trình tự của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh U có mặt còn chị N vắng mặt mặc dù chị vẫn có mặt ở nhà và nhận được thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

Ngày 09/5/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử ấn định ngày mở phiên tòa vào ngày 22/5/2025, quyết định này đã được tống đạt cho các đương sự. Đến ngày xét xử anh U có mặt, chị N có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do chờ kết quả giải quyết thỏa đáng của cơ quan chức năng và đơn vị anh U đang công tác về mối quan hệ bất chính giữa anh U và chị Phùng Thị T cũng như sắp xếp công việc của bản thân. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét thấy lý do chị N đưa ra là không thỏa đáng, tuy nhiên chị N vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời tiến hành giao, gửi quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh U có mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Xuân U và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2012 trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng anh U cho rằng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được quan điểm làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau do đó tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Nay anh U xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bổ sung chị N cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn. nguyên nhân trong thời gian chị chi xuất khẩu lao động anh U ở nhà công tác và đi quan hệ bất chính với người phụ nữ khác đó là chị Phùng Thị T quê quán S - B - Hà Nội,

chị đã bắt gặp tại nhà chồng từ đó anh U lạnh nhạt với vợ con, không quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng nữa, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn, đã chấm dứt mọi quan hệ từ lâu, không ai quan tâm gì đến ai nữa, nhưng chị vẫn muốn trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái, hơn nữa chị đang có đơn đề nghị các cơ quan chức năng và cơ quan nơi anh U công tác giải quyết về việc anh U vi phạm chế độ một vợ một chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh U và chị N đều xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, không ai quan tâm gì đến ai nữa và đã sống ly thân từ lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không hợp tác với anh U để tham gia hòa giải do đó ý kiến xin ly hôn của anh U là có căn cứ chấp nhận. Còn ý kiến của chị N xin được đoàn tụ và cho rằng chị đang có đơn đề nghị các cơ quan chức năng giải quyết về hành vi anh U vi phạm chế độ một vợ một chồng đến nay chưa có kết quả, xét ý kiến của chị N là không có căn cứ chấp nhận, vì trong cuộc sống của anh chị đã xẩy ra nhiều mâu thuẫn và đã chấm dứt mọi quan hệ, ngoài ra tại kết luận số 377/KL - TGSH ngày 17/02/2025 của Trại giam S - Cục C – BCA kết luận các nội dung tố cáo nêu trong đơn của chị N chưa có cơ sở pháp lý chứng minh anh Tạ Xuân U và bà Phùng Thị T có mối quan hệ tình cảm bất chính và vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định tại Điều 182 – BLHS. Hơn nữa tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa chị N đều không mặt để bày tỏ quan điểm của mình, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh U được ly hôn chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh U và chị N đều xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Tạ Thảo V, sinh ngày 24/9/2013. Tại phiên tòa anh U nhất trí để cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu, đồng thời anh chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho cháu V theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện nay cháu V đang ở với chị N cùng ông bà ngoại, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo cho sự phát triển về việc học tập của cháu V do đó cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với lời trình bày của chị N và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn một số quy định của Pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào bằng lương cơ bản của anh U cung cấp cho Tòa án thì mức lương của anh U là 14.040.000đ/ tháng do đó cần buộc anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho cháu V với mức cấp dưỡng phù hợp đảm bảo nhu cầu thiết yếu cũng như học tập phát triển cho cháu V.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh U và chị N đều có quan điểm, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Tạ Xuân U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227**,** khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tạ Xuân U được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

[2]. Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Thảo V, sinh ngày 24/9/2013. Buộc anh Tạ Xuân U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho cháu V từng tháng, mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu V thành niên.

Anh U và chị N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết do anh U và chị N không yêu cầu.

[4] Về án phí: Anh Tạ Xuân U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh U đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003154 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Anh U phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh U (có mặt) được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. chị N (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND thị trấn Hạ Hòa;
- Lưu HS - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Hưng Thủy